TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 4 - 2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Xuân Đào;

2. Bà Trương Thị Kim Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H2, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1989 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp H2, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 14 tháng 02 năm 2023 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà và ông Lê Văn N chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà và ông N đã ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay. Vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà P xin ly hôn với ông Lê Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông N có 02 con chung là Lê Nguyễn Phương T, sinh ngày 25/9/2010 và Lê Nguyễn Trà M, sinh ngày 23/01/2019. Từ khi ly thân đến nay, con chung do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà P xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, bà P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng ông N vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn N, ông N hiện thường trú tại xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà P có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Lê Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên hôn nhân giữa bà P và ông N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, bà P cho rằng do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên bà và ông N ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Mâu thuẫn giữa bà P và ông N cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Đối với ông Lê Văn N, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng ông N không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà P. Tại phiên tòa, ông N vẫn vắng mặt, chứng tỏ ông N không có thiện chí để hàn gắn trong khi thời gian ly thân đã lâu. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng

của bà P và ông N không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Bà P xác định quá trình chung sống, bà và ông N có 02 con chung là Lê Nguyễn Phương T, sinh ngày 25/9/2010 và Lê Nguyễn Trà M, sinh ngày 23/01/2019. Từ khi ly thân đến nay, con chung do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà P xin được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với ông N, dù đã được thông báo về yêu cầu của bà P đối với con chung nhưng ông N không có văn bản phản hồi ý kiến gửi cho Tòa án xem xét.

Xét thấy, từ khi bà P và ông N xa nhau đến nay, bà P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của các con. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao các con chung cho bà P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà P trình bày không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P trình bày không có, ông Lê Văn N không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị P trình bày không có, ông Lê Văn N không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Lê Văn N về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Lê Văn N.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Nguyễn Phương T, sinh ngày 25/9/2010 và Lê Nguyễn Trà M, sinh

ngày 23/01/2019. Ông Lê Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà Nguyễn Thị P không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị P xác định không có, không yêu cầu giải quyết, ông Lê Văn N không có ý kiến nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008011 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Bà Nguyễn Thị P không phải nộp thêm.

3. Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đức Hòa;
- Uỷ ban nhân dân xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Trần Thị Kim Thảnh